

Ngày soạn:/...../

Ngày dạy:/...../

BUỔI 3. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA HAI SỐ TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Củng cố các thành phần trong phép nhân, chia hai số tự nhiên.
- Biết giải và trình bày lời giải các bài tập về nhân, chia hai số tự nhiên.
- HS vận dụng được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong việc tính nhanh, tính nhẩm.
- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: trình bày được lời giải trước tập thể lớp, trả lời được các câu hỏi đặt ra của bạn học và của giáo viên
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng được máy tính.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để nêu được phương pháp giải các dạng bài tập và từ đó áp dụng để giải một số dạng bài tập cụ thể.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, phấn màu, máy tính và điện thoại có cài đặt phần mềm Plickers

2. Học sinh: SGK, bảng nhóm, bút dạ, thẻ dùng cho HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Tiết 1.

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu:

- HS làm được các bài tập trắc nghiệm đầu giờ.
- Học sinh nhắc lại được các lý thuyết đã học về phép nhân, phép chia hai số tự nhiên và các tính chất của phép nhân.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi lý thuyết về các kiến thức phép nhân, phép chia.

c) Sản phẩm:

- Viết được các phép toán, nhận biết nhanh thành phần của phép toán; tính chất của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra trắc nghiệm – Hình thức giao thẻ trả lời câu hỏi trắc nghiệm (cá nhân).

Kiểm tra lý thuyết bằng trả lời miệng (cá nhân)

BÀI KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM ĐẦU GIỜ

Câu 1: Kết quả của phép tính $547.63 + 547.37$?

- A. 54700. B. 5470. C. 45700. D. 54733 .

Câu 2: Số tự nhiên nào dưới đây thỏa mãn $2018.(x - 2018) = 2018$

- A. $x = 2017$. B. $x = 2018$. C. $x = 2019$. D. $x = 2020$.

Câu 3: Cho phép chia $x : 3 = 6$, khi đó thương của phép chia là?

- A. x . B. 3. C. 6. D. 18.

Câu 4: Dạng tổng quát của số tự nhiên chia hết cho 3 là?

- A. $3k(k \in \mathbb{N})$. B. $5k + 3(k \in \mathbb{N})$. C. $3k + 1(k \in \mathbb{N})$. D. $3k + 2(k \in \mathbb{N})$.

Câu 5: Dạng tổng quát của số tự nhiên chia cho 5 dư 2 là?

- A. $5k(k \in \mathbb{N})$. B. $5k + 2(k \in \mathbb{N})$. C. $2k + 5(k \in \mathbb{N})$. D. $5k + 4(k \in \mathbb{N})$

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt										
Bước 1:GV giao nhiệm vụ: NV1: Hoàn thành bài tập trắc nghiệm đầu giờ. NV2: Hãy xác định các thành phần trong phép nhân $a \cdot b = c$? Hãy cho biết tính chất của phép nhân số tự nhiên? NV3: Nêu kết luận về phép chia hai số tự nhiên? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	Kết quả trắc nghiệm <table><tr><td>C1</td><td>C2</td><td>C3</td><td>C4</td><td>C5</td></tr><tr><td>C</td><td>C</td><td>D</td><td>A</td><td>B</td></tr></table> I. Nhắc lại lý thuyết 1. Phép nhân hai số tự nhiên: a) Phép nhân hai số tự nhiên a và b	C1	C2	C3	C4	C5	C	C	D	A	B
C1	C2	C3	C4	C5							
C	C	D	A	B							

- Hoạt động cá nhân trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả NV1: HS giơ thẻ kết quả trắc nghiệm. GV dùng điện thoại có cài phần mềm Plickers quét kết quả bài làm của HS NV2, 3: HS đứng tại chỗ báo cáo Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả - GV chiếu kết quả bài làm của HS trên màn chiếu => Nhận xét và đánh giá chung - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở	cho ta một số tự nhiên gọi là tích của chúng. Kí hiệu: $a \cdot b = c$ trong đó: a, b gọi là thừa số, c gọi là tích. b) Tính chất cơ bản của phép nhân: a. Tính giao hoán: $a \cdot b = b \cdot a$ b. Tính chất kết hợp: $(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$ c. Nhân với số 1 : $a \cdot 1 = 1 \cdot a = a$ d. Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng: $a \cdot (b + c) = a \cdot b + a \cdot c$ 2. Phép chia hai số tự nhiên Với hai số tự nhiên a và b đã cho ($b \neq 0$), ta luôn tìm được đúng hai số tự nhiên q và r sao cho $a = bq + r$, trong đó $0 \leq r < b$. • Nếu $r = 0$ thì ta có phép chia hết $a : b = q$; với a là số bị chia. b là số chia, q là thương. • Nếu $r \neq 0$ thì ta có phép chia có dư $a : b = q$ (dư r); với a là số bị chia. b là số chia, q là thương và r là số dư.
--	---

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Dạng 1: Tính nhẩm, tính hợp lí

a) Mục tiêu:

- Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân để tạo thành tích tròn chục, tròn trăm.
- Vận dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng để tính tổng một cách hợp lý.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ 1	Bài 1. Tính các tích sau một cách hợp lý:

- GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài , thực hiện phép tính Bước 3: Báo cáo kết quả - 4 HS lên bảng trình bày và các HS quan sát, nhận xét và sửa sai (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	a) 14.50 b) 16.125 c) $9.24.25$ d) $12.125.54$ Bài giải a) $14.50 = 7.(2.50) = 7.100 = 700$ b) $16.125 = 2.(8.125) = 4.1000 = 4000$ c) $9.24.25 = (9.6).(4.25)$ $= 54.100 = 5400$ d) $12.125.54 = (3.4).125.(2.27)$ $= (4.2.125).(3.27) = 1000.81 = 81000$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2. Yêu cầu: - HS thực hiện giải toán cá nhân - HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS hoạt động cá nhân, đại diện 4 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	Bài 2: Tính nhẩm a) 46.99 b) 24.198 c) $36600 : 50$ d) $220000 : 5000$ Bài giải a) $46.99 = 46.(100 - 1) = 46.100 - 46.1$ $= 4600 - 46 = 4554$ b) $24.198 = 24.(200 - 2) = 24.200 - 24.2$ $= 4800 - 48 = 4752$ c) $36600 : 50 = (36600.2) : (50.2)$ $= 73200 : 100 = 732$ d) $220000 : 5000 = (220000.2) : (5000.2)$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 3. Yêu cầu: - HS hoạt động nhóm đôi thực hiện giải toán <i>Chú ý đến tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi theo bàn làm bài tập .	Bài 3: Tính nhanh a) $27.36 + 27.64$ b) $25.37 + 25.63 - 150$ c) $425.7.4 - 170.60$ d) $8.9.14 + 6.17.12 + 19.4.18$ Bài giải a) $27.36 + 27.64 = 27.(36 + 64)$ $= 27.100 = 2700$ b) $25.37 + 25.63 - 150$

Bước 3: Báo cáo kết quả - HS hoạt động cá nhân, đại diện 4 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	$= 25.(37 + 63) - 150$ $= 25.100 - 150 = 2500 - 150 = 2350$ c) $425.7.4 - 170.60$ $= (425.4).7 - 170.60$ $= 1700.7 - 1700.6 = 1700.(7 - 6) = 1700$ d) $8.9.14 + 6.17.12 + 19.4.18$ $= (8.9).14 + (6.12) + (4.18).19$ $= 72.14 + 72.17 + 19.72$ $= 72.(14 + 17 + 19) = 72.50 = 3600$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2. Yêu cầu: - HS thực hiện giải toán cá nhân - HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân. GV đi quan sát và hỗ trợ học sinh làm bài Bước 3: Báo cáo kết quả - HS hoạt động cá nhân, đại diện 4 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	Bài 4 : Không thực hiện phép tính hãy so sánh a) $m = 19.90$ và $n = 31.60$ b) $p = 2011.2019$ và $q = 2015.2015$ Giải a) $m = 19.90 = 19.(3.30) = (19.3).30$ $n = 31.60 = 31.(3.20) = (20.3).31$ Vì $19 < 20$; $30 < 31$ nên $(19.3).30 < (20.3).31$ hay $m < n$. Vậy $m < n$. b) $p = 2011.2019 = 2011.(2015 + 4)$ $= 2011.2015 + 2011.4$ $q = 2015.2015 = (2011 + 4).2015$ $= 2011.2015 + 4.2015$ $= 2011.2015 + 2015.4$ Vì $2011 < 2015$ nên $2011.4 < 2015.4$ hay $2011.2015 + 2011.4 < 2011.2015 + 2015.4$ Do đó $p < q$. Vậy $p < q$.

Tiết 2:

Dạng toán 2: Thực hiện phép tính, toán tìm x

a) Mục tiêu: Vận dụng quy tắc:

- * Tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.
- * Tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia thừa số đã biết.
- * Tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- * Tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu
- * Tìm số chia lấy số bị chia chia cho thương.
- * Tìm số bị chia lấy thương nhân số chia.
- * Nếu $ab = 0$ thì $a = 0$ hoặc $b = 0$.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 1. Yêu cầu: - HS thực hiện theo nhóm 4 - Nêu lưu ý sau khi giải toán Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm. HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập vào bảng nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trưng kết quả nhóm - 1 đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. GV chốt lại các tính chất đã được áp dụng trong việc giải bài tập	Bài 1: Tìm x, biết: a) $2.x + 3 = 15$; b) $28 - 3.x = 13$ c) $(x - 1954). 5 = 50$; d) $x - 152 : 2 = 46$ Bài giải: a) $2.x + 3 = 15$ $2.x = 15 - 3$ $2.x = 12$ $x = 12 : 2$ $x = 6$ b) $28 - 3.x = 13$ $3.x = 28 - 13$ $3.x = 15$ $x = 15 : 3$ $x = 5$ c) $(x - 1954). 5 = 50$ $x - 1954 = 50 : 5$ $x - 1954 = 10$ $x = 10 + 1954$ $x = 1964$ d) $x - 152 : 2 = 46$

	$x - 76 = 46$ $x = 46 + 76$ $x = 122$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2. Yêu cầu: - Nêu cách thực hiện từng phần - Yêu cầu HS làm bài tập cá nhân, 5 HS lên bảng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại chỗ trình bày cách làm - 5 HS lên bảng giải toán, HS làm vào vở Bước 3: Báo cáo kết quả - HS làm việc cá nhân dưới lớp Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. GV chốt lại kết quả và các bước giải	Bài 2: Tìm x, biết: a) $x + 99 : 3 = 55$ b) $(x - 25) : 15 = 20$ c) $(3x - 15) \cdot 7 = 42$ d) $(8x - 16)(x - 5) = 0$ e*) $x \cdot (x + 1) = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + \dots + 2500$ Bài giải a) $x + 99 : 3 = 55$ $x + 33 = 55$ $x = 55 - 33$ $x = 22$. Vậy $x = 22$ b) $(x - 25) : 15 = 20$ $x - 25 = 20 \cdot 15$ $x - 25 = 300$ $x = 300 + 25$ $x = 325$ c) $(3x - 15) \cdot 7 = 42$ $3x - 15 = 42 : 7$ $3x - 15 = 6$ $3x = 6 + 15$ d) $(8x - 16)(x - 5) = 0$ $8x - 16 = 0$ hoặc $x - 5 = 0$ $8x = 16$ $x = 0 + 5$ $x = 16 : 8$ $x = 5$ $x = 2$ e) $x \cdot (x + 1) = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + \dots + 2500$ Ta có $2 + 4 + 6 + 8 + 10 + \dots + 2500$ có $(2500 - 2) : 2 + 1 = 1250$ số hạng Tổng $2 + 4 + 6 + 8 + 10 + \dots + 2500$

	$= (2500 + 2).1250$ $= 1563750$ Mà $x.(x+1) = 1563750 = 1250.1251$ Vậy $x = 1250$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 3. Yêu cầu: - HS thực hiện theo nhóm lớn, thảo luận cách làm - Nêu lưu ý sau khi giải toán Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, thảo luận cách làm, và làm bài. - GV quan sát và hỗ trợ học sinh trong quá trình làm bài Bước 3: Báo cáo kết quả - Yêu cầu 2 đại diện 2 nhóm trình bày kết quả trên bảng (mỗi đại diện 1 ý) - Đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. GV chốt lại kết quả và cách làm bài	Bài 3: a) Tìm số tự nhiên x, biết rằng nếu nhân nó với 5 rồi cộng thêm 16, sau đó chia cho 3 thì được 7. b) Tìm số tự nhiên x, biết rằng nếu chia nó với 3 rồi trừ đi 4, sau đó nhân với 5 thì được 15. Bài giải a) $(5x + 16) : 3 = 7$ $5x + 16 = 7.3$ $5x = 21 - 16$ $5x = 5$ $x = 5 : 5$ $x = 1$ b) $(x : 3 - 4).5 = 15$ $x : 3 - 4 = 15 : 5$ $x : 3 = 3 + 4$ $x : 3 = 7$ $x = 7.3$ $x = 21$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 4. Yêu cầu: Gọi số bị chia là a; số chia là b, em hãy biểu diễn phép chia trên? - Yêu cầu HS làm bài tập cá nhân, 1 HS lên bảng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại chỗ trình bày cách làm - 1 HS lên bảng giải toán, HS làm vào vở Bước 3: Báo cáo kết quả - HS làm việc cá nhân dưới lớp	Bài 4: Cho phép chia có thương là 7 và số dư là 112. Biết tổng của số bị chia, số chia và thương là 1375. Tìm phép chia đó. Bài giải gọi số bị chia là a; số chia là b, ta có : $a : b = 7 \text{ dư } 112$ $\Rightarrow a = 7b + 112 \text{ mà } a + b + 7 = 1375$ $\Rightarrow a + b = 1368 \quad (1)$ Thay $a = 7b + 112$ vào (1), ta có: $7b + 112 + b = 1368$ $\Rightarrow 8b + 112 = 1368 \Rightarrow b = 157$ $\Rightarrow a = 1211 \text{ Vậy } a = 1211; b = 157$

Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. GV chốt lại kết quả và các bước giải	
--	--

Tiết 3:

Dạng 3: Các bài toán có lời văn, các bài toán thực tế

a) Mục tiêu:

- Thực hiện phép nhân, phép chia số tự nhiên trong giải toán có lời

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 1 . Yêu cầu: - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? - Để tìm số kg gạo và ngô xe ô tô chở, ta làm như thế nào? - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại nêu cách thực hiện - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức	Bài 1. Một ô tô chở 30 bao gạo và 40 bao ngô. Biết rằng mỗi bao gạo nặng 50kg, mỗi bao ngô nặng 60kg. Hỏi xe ô tô đó chở tất cả bao nhiêu kilôgam gạo và ngô ? Lời giải Số kg gạo trong 30 bao là: $30 \cdot 50 = 1500 \text{ (kg)}$ Số kg ngô trong 40 bao là: $40 \cdot 60 = 2400 \text{ (kg)}$ Số kg gạo và ngô xe ô tô chở là: $1500 + 2400 = 3900 \text{ (kg)}$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2 . Yêu cầu: - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì?	Bài 2. Trong tháng 7 nhà ông Khánh dùng hết 115 số điện. Hỏi ông Khánh phải trả bao nhiêu tiền điện, biết đơn giá điện như sau:

- Để tìm số tiền điện phải trả của nhà ông Khánh trong tháng 7, ta làm như thế nào? - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả theo nhóm bàn (4HS) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại nêu cách thực hiện - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo kết quả - Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày bảng HS nhóm còn lại dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm của nhóm bạn Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức	Giá tiền cho 50 số đầu tiên là 1678 đồng/số; Giá tiền cho 50 số tiếp theo (từ số 51 đến số 100) là 1734 đồng/số; Giá tiền cho 100 số tiếp theo (từ số 101 đến 200) là 2014 đồng/số. Lời giải Số tiền phải trả cho 50 số đầu tiên là : $50. 1678 = 83900$ (đồng) Số tiền phải trả cho 50 số tiếp theo là : $50. 1734 = 86700$ (đồng) Số tiền phải trả cho 15 số còn lại là : $15 . 2014 = 30210$ (đồng) Tổng số tiền ông Khánh phải trả trong tháng 7 là : $83900 + 86700 + 30210 = 200810$ (đồng)
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 3. Yêu cầu: - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? - Để biết nhà trường cần ít nhất bao nhiêu xe, ta làm như thế nào? - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại nêu cách thực hiện - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức	Bài 3. Một trường muốn chở 892 đi tham quan khu di tích Địa Đạo Củ Chi. Biết rằng mỗi xe chở được 45 học sinh. Hỏi nhà trường cần ít nhất bao nhiêu chiếc xe? Lời giải Số xe để chở học sinh đi tham quan là: $892 : 45 = 19$ xe (dư 37 học sinh) Số xe nhà trường cần sử dụng là $19 + 1 = 20$ (xe) Vậy cần ít nhất 20 xe
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 4.	Bài 4. Bạn Minh dùng 30000 đồng để mua bút. Có hai loại bút: bút bi xanh và bút bi đen. Bút bi xanh có giá 2500 đồng

Yêu cầu: - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? - Để biết nhà trường cần ít nhất bao nhiêu xe, ta làm như thế nào? - HS giải toán theo cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại nêu cách thực hiện - HS thực hiện giải bài tập cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức	một chiếc. Bút bi đen có giá 3500 đồng một chiếc. Bạn Minh sẽ mua được nhiều nhất bao nhiêu chiếc bút nếu: a. Minh chỉ mua mỗi loại bút bi xanh? b. Minh chỉ mua mỗi loại bút bi đen? Lời giải a. Số bút bi xanh bạn Minh mua nhiều nhất là $30000 : 2500 = 12$ (cây) b. Số bút bi xanh bạn Minh mua nhiều nhất là $30000 : 3500 = 8$ (cây) (dư 2000 đồng)
---	---

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Yêu cầu HS học thuộc các tính chất của phép nhân số tự nhiên, nắm chắc mối quan hệ giữa các thành phần trong phép nhân và phép chia phân số.
- Hoàn thành các bài tập

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài 1: Tính nhanh, tính nhẩm

- a) $25.53.4$; b) $16.6.125$; c) 64.25 ;
d) 16.125 e) $700 : 25$; f) $(260 - 13) : 13$

Bài 2: Tính nhanh

- a) $43.17 + 29.57 + 13.43 + 57$
b) $35.34 + 35.86 + 65.75 + 65.45$
c) $13.58.4 + 32.26.2 + 52.10$
d) $53.(51 + 4) + 53.(49 + 91) + 53$

Bài 3: Tìm x biết:

- a) $250 : (10 - x) = 25$ b) $3x - 2018 : 2 = 23$
c) $(9x - 21) : 3 = 2$ d) $53(9 - x) = 53$
e) $91 - 5(5 + x) = 61$ f) $95 - (3x - 27) : 3 = 4212$

Bài 4: So sánh hai số a và b mà không tính giá trị cụ thể của chúng.

$$a = 2002.2002 \text{ và } b = 2000.2004$$

Bài 5:

- a) Tích của hai số là 276 . Nếu thêm vào số thứ nhất 19 đơn vị thì tích của hai số là 713. Tìm hai số đó.
- b) Khi chia một số cho 72 thì được số dư là 49. Nếu đem số đó chia cho 75 thì được số dư là 28 và thương không thay đổi. Tìm số đã cho.

Bài 6: Một tàu hỏa cần chở 980 khách . Mỗi toa tàu có 11 khoang, mỗi khoang có 8 chỗ. Hỏi phải cần ít nhất bao nhiêu toa để chở hết khách?

Bài 7. Mẹ Lan mang 200000 đồng vào siêu thị mua 2 kg khoai tây, 5 kg gạo và 2 nải chuối chín. Giá mỗi ki-lô-gam khoai tây là 26500 đồng, mỗi ki-lô-gam gạo là 18000 đồng, mỗi nải chuối là 15000 đồng. Hỏi mẹ Lan còn bao nhiêu tiền?

HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài 1: Tính nhanh, tính nhẩm

- a) $25.53.4 = (25.4).53 = 100.53 = 5300.$
b) $16.6.125 = (16.3).(2.125) = 48.250 = 12000.$
c) $64.25 = 16.4.25 = 16.100 = 1600.$
d) $16.125 = 2.(8.125) = 2.1000 = 2000.$
e) $700 : 25 = (700.4) : (25.4) = 2800 : 100 = 28. ;$
f) $(260 - 13) : 13 = 260 : 13 - 13 : 13 = 20 - 1 = 19.$

Bài 2: Tính nhanh

$$\begin{aligned} a) & 43.17 + 29.57 + 13.43 + 57 \\ &= (43.17 + 13.43) + (29.57 + 57) \\ &= 43.(17 + 13) + 57.(29 + 1) \\ &= 43.30 + 57.30 \\ &= 30.(43 + 57) \\ &= 30.100 \\ &= 3000 \\ c) & 13.58.4 + 32.26.2 + 52.10 \\ &= 13.58.4 + 32.13.4 + 13.4.10 \\ &= 13.4.(58 + 32 + 10) \\ &= 13.4.100 \\ &= 5200. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b) & 35.34 + 35.86 + 65.75 + 65.45 \\ &= 35.(34 + 86) + 65.(75 + 45) \\ &= 35.120 + 65.120 \\ &= 120.(35 + 65) \\ &= 120.100 \\ &= 12000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} d) & 53.(51 + 4) + 53.(49 + 95) + 53 \\ &= 53.(51 + 4 + 49 + 95 + 1) \\ &= 53.(51 + 49 + 4 + 95 + 1) \\ &= 53.(100 + 99 + 1) \\ &= 53.200 = 10600. \end{aligned}$$

Bài 3: Tìm x biết:

$$\begin{aligned} a) & 250 : (10 - x) = 25 \\ & 10 - x = 250 : 25 \\ & 10 - x = 10 \\ & x = 10 - 10 \\ & x = 0 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b) & 3x - 2018 : 2 = 23 \\ & 3x - 1009 = 23 \\ & 3x = 23 + 1009 \\ & 3x = 1032 \\ & x = 1032 : 3 \\ & x = 344 \end{aligned}$$

$$c) (9x - 21) : 3 = 2$$

$$9x - 21 = 2 \cdot 3$$

$$9x - 21 = 6$$

$$9x = 6 + 21$$

$$9x = 27$$

$$x = 27 : 9$$

$$x = 3$$

$$d) 53(9 - x) = 53$$

$$9 - x = 53 : 53$$

$$9 - x = 1$$

$$x = 9 - 1$$

$$x = 8$$

$$e) 91 - 5(5 + x) = 61$$

$$5(5 + x) = 91 - 61$$

$$5(5 + x) = 60$$

$$5 + x = 60 : 5$$

$$5 + x = 12$$

$$x = 12 - 5$$

$$x = 7$$

$$f) \frac{915 - (3x - 27)}{39} = 4212$$

$$195 - (3x - 27) = 4212 : 39$$

$$195 - (3x - 27) = 108$$

$$x - 27 = 195 - 108$$

$$3x - 27 = 87$$

$$3x = 87 + 27$$

$$3x = 114$$

$$x = 114 : 3$$

$$x = 38$$

Bài 4: Ta có: $a = 2002 \cdot 2002 = 2002 \cdot (2000 + 2) = 2002 \cdot 2000 + 2002 \cdot 2$

$$b = 2000 \cdot 2004 = 2000 \cdot (2002 + 2) = 2000 \cdot 2002 + 2000 \cdot 2$$

Vì $2002 \cdot 2000 = 2000 \cdot 2002$ và $2002 \cdot 2 > 2000 \cdot 2$ nên $a > b$. Vậy $a > b$

Bài 5: a) Gọi hai số cần tìm là a và b theo bài ra ta có :

$$ab = 276$$

$$(a + 19)b = 713$$

$$ab + 19b = 713$$

$$19b = 713 - 276 = 437$$

$$b = 437 : 19 = 23$$

suy ra $a = 276 : 23 = 12$. Vậy $a = 12; b = 23$

b) Gọi số cần tìm là a :

$$a : 72 = c \text{ dư } 49 \text{ nên } a = c \cdot 72 + 49$$

$$a : 75 = c \text{ dư } 28 \text{ nên } a = c \cdot 75 + 28$$

Ta có: $c \cdot 72 + 49 = c \cdot 75 + 28$

$$75c - 72c = 49 - 28$$

$$3c = 21$$

$$c = 21 : 3 = 7$$

Thay $c = 7$ ta được: $72 \cdot 7 + 49 = 553$ hoặc $75 \cdot 7 + 28 = 553$

Hay $a = 553$. Vậy số cần tìm là: 553

Bài 6: Số người ở mỗi toa là : $\frac{8 \cdot 11}{1} = 88$ (người)

Cần số toa để chở hết khách là: $980 : 88 = 11$ (toa) dư 12 người
Vậy cần ít nhất 12 toa để chở hết số khách.

Bài 7.

Mẹ Lan mua 2 kg khoai tây mất số tiền là: $2.26500 = 53000$ (đồng)

Mẹ Lan mua 5 kg gạo mất số tiền là: $5.18000 = 90000$ (đồng)

Mẹ Lan mua 2 nải chuối chín mất số tiền là: $2.15000 = 30000$ (đồng)

Tổng số tiền mà mẹ Lan đã tiêu là: $53000 + 90000 + 30000 = 173000$ (đồng)

Mẹ Lan còn lại số tiền là: $200000 - 173000 = 27000$ (đồng)

Vậy mẹ Lan còn 27000 đồng.